

ĐIỀU TRA DOANH NGHIỆP NĂM 2018

Phiếu số: 1A.7.1/ĐTDN-TC

Mã số thuế

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ TÀI CHÍNH VÀ MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ TÍN DỤNG, HUY ĐỘNG VỐN, LÃI SUẤT Năm 2017

(Áp dụng cho các cơ sở thuộc các tổ chức tín dụng: ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính, quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô)

Tên doanh nghiệp đơn/cơ sở:

(Viết đầy đủ bằng chữ in hoa, có dấu)

Địa chỉ:

CQ Thống kê ghi

Tỉnh/thành phố trực thuộc TW:

--	--

Huyện/quận (thị xã, TP thuộc tỉnh)

--	--	--

Ngành SXKD chính:

--	--	--	--	--

(VSIC 2007-Cấp 5)

Tổng số lao động thời điểm 01/01/2017

--

Người

Trong đó: Nữ

--

Người

Tổng số lao động thời điểm 31/12/2017

--

Người

Trong đó: Nữ

--

Người

I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thực hiện năm 2017
A	B	I
A. CÁC KHOẢN THU NHẬP (01=02+05+06+07+10+11)	01	
1. Thu nhập từ hoạt động tín dụng	02	
<i>Trong đó:</i> - Thu lãi từ đầu tư chứng khoán	03	
- Thu lãi từ nghiệp vụ mua bán nợ	04	
2. Thu nhập phí từ hoạt động dịch vụ	05	
3. Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	06	
4. Thu nhập từ hoạt động kinh doanh khác	07	
<i>Trong đó:</i> - Thu về kinh doanh chứng khoán	08	
- Thu về hoạt động kinh doanh khác	09	
5. Thu nhập góp vốn, mua cổ phần	10	
6. Thu nhập khác	11	
<i>Trong đó:</i> Thu bất thường	12	
B. CÁC KHOẢN CHI PHÍ (13=14+16+18+19+25+26+27+29+31)	13	
1. Chi phí hoạt động tín dụng	14	
<i>Trong đó:</i> Chi phí khác cho hoạt động tín dụng	15	
2. Chi phí hoạt động kinh doanh ngoại hối	16	
<i>Trong đó:</i> Chi về các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	17	
3. Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí (không bao gồm thuế TNDN)	18	
4. Chi phí hoạt động kinh doanh khác (19=20+21+...+24)	19	
<i>Chia ra:</i> - Chi về kinh doanh chứng khoán	20	
- Chi phí liên quan nghiệp vụ cho thuê tài chính	21	
- Chi về nghiệp vụ mua bán nợ	22	
- Chi về các công cụ tài chính phái sinh khác	23	
- Chi về hoạt động kinh doanh khác	24	

5. Chi phí cho nhân viên	25	
6. Chi cho hoạt động quản lý và công vụ	26	
7. Chi về tài sản	27	
<i>Trong đó: Khấu hao tài sản cố định</i>	28	
8. Chi phí dự phòng	29	
<i>Trong đó: Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng</i>	30	
9. Các khoản chi phí còn lại	31	
<i>Trong đó: Chi phí bất thường</i>	32	
C. CHÊNH LỆCH THU NHẬP VÀ CHI PHÍ (LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ): (33=01-13)	33	

II. MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ TÍN DỤNG, HUY ĐỘNG VỐN VÀ LÃI SUẤT BÌNH QUÂN NĂM 2017

(Chỉ áp dụng đối với các cơ sở thuộc hệ thống tổ chức tín dụng, bao gồm: quỹ tín dụng nhân dân, ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tín dụng phi ngân hàng và tổ chức tài chính vi mô)

<i>Loại tiền/Kỳ hạn</i>	<i>Mã số</i>	<i>Dư nợ tín dụng ngày 31/12/2017 (Triệu đồng)</i>	<i>Số dư huy động vốn ngày 31/12/2017 (Triệu đồng)</i>	<i>Lãi suất cho vay bình quân năm (%)</i>	<i>Lãi suất tiền gửi bình quân năm (%)</i>
A	B	1	2	3	4
1. Bảng đồng Việt Nam	34				
+ Ngắn hạn	35				
+ Trung và dài hạn	36				
2. Bảng ngoại tệ	37				x
+ Ngắn hạn	38				x
+ Trung và dài hạn	39				x
3. Tổng cộng (40=41+42)	40			x	x
+ Ngắn hạn (41=35+38)	41			x	x
+ Trung và dài hạn (42=36+39)	42			x	x

Ghi chú: Chỉ tiêu mã số 37, 38 và 39 cột 3 là theo USD

GIẢI THÍCH VÀ HƯỚNG DẪN CÁCH GHI

Đối tượng điều tra của phiếu này là các doanh nghiệp/cơ sở có hoạt động chính là hoạt động dịch vụ tài chính thuộc các Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài như ngân hàng thương mại, ngân hàng chính sách, ngân hàng hợp tác xã, ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài, công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính, quỹ tín dụng nhân dân, hợp tác xã tín dụng v.v... hoạt động ở Việt Nam.

Phiếu này không áp dụng cho các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán.

I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ TÀI CHÍNH

A. Các khoản thu

4. *Thu nhập từ hoạt động kinh doanh khác:* Bao gồm các khoản thu về kinh doanh chứng khoán, thu từ nghiệp vụ mua bán nợ, thu từ các công cụ tài chính phái sinh khác và thu về hoạt động kinh doanh khác.

Trong đó cần tách riêng:

- Thu về kinh doanh chứng khoán: Số chênh lệch giữa giá bán lớn hơn giá mua chứng khoán.
- Thu về hoạt động kinh doanh khác: Thu từ nghiệp vụ hoán đổi lãi suất...

B. Các khoản chi phí

Trong đó, cần tách riêng:

1. *Chi phí hoạt động tín dụng:* Bao gồm các khoản sau: Trả lãi tiền gửi, Trả lãi tiền vay, Trả lãi phát hành giấy tờ có giá, Trả lãi tiền thuê tài chính và Chi phí khác cho hoạt động tín dụng.

Trong đó cần tách riêng chi phí khác cho hoạt động tín dụng: Gồm các khoản chi phí trả lãi khác và các khoản chi tương đương trả lãi của tổ chức tín dụng ngoài các khoản chi lãi nói trên.

2. *Chi phí hoạt động kinh doanh ngoại hối:* Bao gồm chi về kinh doanh ngoại tệ, chi về kinh doanh vàng và chi về các công cụ tài chính phát sinh tiền tệ.

Trong đó cần tách riêng chi về các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ: Là các khoản chi phí phát sinh từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ của tổ chức tín dụng.

3. *Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí:* Là các khoản chi nộp thuế, phí, lệ phí của tổ chức tín dụng, bao gồm:

- Thuế giá trị gia tăng không được khấu trừ, thuế nhập khẩu được tính vào chi phí.
- Thuế môn bài, thuế đất, thuế tài nguyên, lệ phí, các chi phí khác coi như thuế, lệ phí.

Chú ý: Khoản mục này không bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp.

4. *Chi phí hoạt động kinh doanh khác (tài khoản 84)*: Bao gồm chi về kinh doanh chứng khoán, chi phí liên quan nghiệp vụ cho thuê tài chính, chi về nghiệp vụ mua bán nợ, chi về công cụ tài chính phái sinh khác và chi về hoạt động kinh doanh khác.

5. *Chi phí cho nhân viên*: Là tổng các khoản chi trong tài khoản 85, bao gồm các khoản: lương và phụ cấp, chi ăn ca; các khoản chi để đóng góp theo lương; chi trợ cấp; chi trang phục giao dịch và phương tiện bảo hộ lao động...

6. *Chi cho hoạt động quản lý và công vụ*: Là tổng các khoản chi trong tài khoản 86, bao gồm các khoản: chi về vật liệu, giấy tờ in; công tác phí; chi đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ; chi nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ, sáng kiến, cải tiến; chi về các hoạt động đoàn thể và các khoản chi phí quản lý khác.

7. *Chi về tài sản*: Là các khoản chi trong tài khoản 87, trong đó cần tách riêng khấu hao tài sản cố định.

8. *Chi phí dự phòng*: Gồm các khoản chi dự phòng giảm giá chứng khoán, dự phòng nợ phải thu khó đòi, dự phòng giảm giá vàng, ngoại tệ, dự phòng cho các dịch vụ thanh toán và dự phòng rủi ro khác theo quy định. Trong đó tách riêng Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng.

9. *Các khoản chi phí còn lại*: Là các khoản chi còn lại chưa được liệt kê ở trên, trong đó cần tách riêng khoản chi phí bất thường nằm trong chi phí khác (tài khoản 89). Chi phí bất thường là những khoản lỗ do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của đơn vị mang lại, như chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ, tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế hoặc cũng có thể là những khoản chi phí bị bỏ sót từ những năm trước...

C. Chênh lệch giữa thu nhập và chi phí: Phản ánh lợi nhuận trước thuế thu được từ hoạt động trung gian tài chính và hoạt động hỗ trợ cho hoạt động tài chính tiền tệ của đơn vị, bằng tổng thu trừ tổng chi.